Phòng GDĐT Quận Sơn Trà

Trường THCS Cao Thắng

BẢNG TỔNG KẾT LỚP 6/4

HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

Stt	Họ và tên		Điểm trung bình học kỳ 1														Vắng		Kết quả học kỳ 1				
			Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	CD	CN	TD	ÂN	MT	Tin	CP	KP	TBCM	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	Bảo	6.0	6.2		5.4	6.6	4.4	7.9	3.8	7.0	7.5	Đ	Đ	Đ	5.7	-	2	6.1	T.Bình	Tốt		
2	Phan Thị Mỹ	Đức	8.2	6.3		8.4	7.0	7.4	9.4	9.3	8.2	8.7	Đ	Đ	Đ	7.8	1	-	8.1	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
3	Ngô Thị Nhật	Hạ	7.5	5.9		7.7	6.9	7.4	8.2	6.9	6.5	7.4	Đ	Đ	Đ	7.3	3	-	7.2	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
4	Nguyễn Tường Gia	Hân	9.3	8.3		9.5	8.7	7.7	9.2	9.8	8.1	9.4	Đ	Đ	Đ	8.8	-	-	8.9	Giỏi	Tốt	HS Giỏi	
5	Dương Thúy	Hằng	8.0	7.3		9.2	8.7	7.6	9.4	9.1	8.7	8.9	Đ	Đ	Đ	8.3	-	-	8.5	Giỏi	Tốt	HS Giỏi	
6	Nguyễn Văn Duy	Hậu	5.6	5.8		4.8	6.0	5.2	6.0	4.2	6.4	6.7	Đ	Đ	Đ	6.8	-	-	5.8	T.Bình	Khá		
7	Nguyễn	Hậu	6.4	7.4		9.5	8.1	8.6	9.8	9.4	8.4	9.4	Đ	Đ	Đ	8.7	-	-	8.6	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
8	Hà Hồng	Hiển	5.2	6.2		6.8	5.1	6.5	7.1	4.3	7.0	6.7	Đ	Đ	Đ	5.9	-	1	6.1	T.Bình	Khá		
9	Hồ Ngọc Phúc	Khang	5.2	5.3		5.7	7.1	7.3	5.9	5.5	6.7	6.9	Đ	Đ	Đ	6.1	-	1	6.2	T.Bình	Khá		
10	Lê Đinh Duy	Khánh	3.6	3.4		3.3	2.5	3.0	3.8	1.5	4.2	6.1	Đ	Đ	Đ	4.8	-	1	3.6	Kém	Khá		
11	Nguyễn Ngọc	Khiêm	8.3	7.0		7.2	6.8	5.6	7.2	9.2	6.9	7.4	Đ	Đ	Đ	7.8	-	-	7.3	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
12	Phan Hùng Vũ	Linh	7.8	7.6		9.3	8.4	7.6	9.0	7.7	7.4	8.6	Đ	Đ	Đ	8.0	1	-	8.1	Giỏi	Tốt	HS Giỏi	
13	Hồ Văn	Minh	5.1	6.3		6.5	5.6	5.3	6.5	5.6	6.2	7.9	Đ	Đ	Đ	6.9	3	1	6.2	T.Bình	Tốt		
14	Hoàng Quang Thành	Minh	3.2	6.8		6.3	7.0	6.1	8.0	4.4	7.5	7.2	Đ	Đ	Đ	7.7	-	-	6.4	Yếu	Khá		
15	Đặng Thị Diễm	My	8.3	5.9		9.2	6.6	7.7	9.0	6.8	7.9	9.6	Đ	Đ	Đ	7.2	-	-	7.8	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
16	Lê Trần Ánh	Nguyệt	7.5	6.3		8.8	6.4	8.7	9.1	8.6	7.5	9.4	Đ	Đ	Đ	8.3	-	-	8.1	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
17	Ngô Sỹ Thanh	Nhẫn	7.4	7.1		7.2	7.1	6.7	7.6	6.1	7.4	7.6	Đ	Đ	Đ	7.0	-	-	7.1	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
18	Mai Văn	Phi	4.4	5.0		5.6	5.2	4.4	5.4	3.3	6.8	7.4	Đ	Đ	Đ	6.8	5	-	5.4	Yếu	Khá		
19	Đoàn Công	Phương	7.1	5.7		8.1	6.7	6.0	7.9	3.9	6.2	6.8	Đ	Đ	Đ	7.5	1	-	6.6	T.Bình	Tốt		
20	Võ Thiên	Tài	4.1	3.8		5.6	3.7	4.1	5.3	1.8	5.3	6.1	Đ	Đ	Đ	5.2	3	-	4.5	Kém	Khá		
21	Nguyễn Minh	Tâm	5.4	6.1		6.2	5.9	5.9	8.6	5.3	7.2	7.4	Đ	Đ	Đ	7.2	1	-	6.5	T.Bình	Tốt		
22	Nguyễn Hà Quốc	Thắng	5.1	5.7		6.8	5.6	4.6	7.9	3.8	6.5	7.3	Đ	Đ	Đ	7.2	-	-	6.1	T.Bình	Khá		
23	Lê Đức	Thành	5.0	6.6		6.1	5.3	4.5	8.4	5.4	5.9	6.8	Đ	Đ	Đ	6.9	-	-	6.1	T.Bình	Tốt		
24	Huỳnh Thị Thu	Thảo	5.2	4.6		4.4	5.7	3.6	6.8	3.5	6.1	8.8	Đ	Đ	Đ	6.3	1	-	5.5	T.Bình	Tốt		
25	Nguyễn Trần Hữu	Thuận	1.6	5.3		3.8	3.5	3.9	5.4	3.0	3.9	6.1	Đ	Đ	Đ	6.1	3	-	4.3	Kém	Khá		
26	Phạm Thị Bích	Trâm	6.9	4.6		8.3	7.7	6.1	7.9	7.2	6.9	8.4	Đ	Đ	Đ	6.9	-	-	7.1	T.Bình	Tốt		
27	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	3.1	4.3		3.0	3.9	3.8	3.4	2.0	5.4	6.6	Đ	Đ	Đ	4.7	-	-	4.0	Yếu	Tốt		
28	Phùng Thị Kim	Triều	3.7	6.4		5.1	5.4	4.0	5.9	3.1	6.2	7.1	Đ	Đ	Đ	6.7	1	-	5.4	Yếu	Tốt		

29	Nguyễn Thị Thúy	Vân	5.1	5.8		5.5	6.4	7.3	7.3	5.7	6.8	7.9	Đ	Đ	Đ	8.2	-	-	6.6	T.Bình	Tốt		
30	Lương Huỳnh Hồng	Vân	5.9	6.5		7.0	7.1	4.8	6.8	5.6	7.1	9.0	Đ	Đ	Đ	7.3	-	-	6.7	T.Bình	Tốt		
31	Huỳnh	Vinh	8.5	7.7		8.4	7.7	7.6	7.4	6.5	7.2	9.3	Đ	Đ	Đ	8.6	-	-	7.9	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
32	Đỗ Trọng Quang	Vinh	3.9	4.7		5.4	5.0	3.6	6.3	4.8	5.6	6.1	Đ	Đ	Đ	5.8	-	-	5.1	T.Bình	Tốt		
33																							
34																							
35																							

Tổng số học sinh: 32
Nam: 19
Nữ: 13

Học lực	SL	Tỉ lệ %
Giỏi	3	9.38%
Khá	8	25.00%
T.bình	14	43.75%
Yếu	4	12.50%
Kém	3	9.38%
Trên TB	25	78.12%

Hạnh kiểm	SL	Tỉ lệ %
Tốt	23	71.88%
Khá	9	28.13%
T.bình	0	0.00%
Yếu	0	0.00%
Trên TB	32	100.00%

Danh hiệu	SL	Tỉ lệ %
HS Giỏi	3	9.38%
HS T,tiến	8	25.00%
Tổng	11	34.38%

Ngày …… tháng ……. Năm ……

Lưu Thị Dung